

TƯ LIỆU

NAM HẢI CHƯ ĐẢO LỊCH SỬ ĐỊA DANH KHẢO LUẬN

(Tiếp theo)

Phạm Hoàng Quân*

LTS. “Nam Hải chư đảo lịch sử địa danh khảo luận” là công trình nghiên cứu độc lập của tác giả Phạm Hoàng Quân, nhằm chứng minh Tây Sa và Nam Sa (tức Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam) vốn không thuộc chủ quyền của Trung Quốc trong lịch sử. Tập khảo luận này gồm 3 chương và phần phụ lục. Chương 1: Nam Hải chư đảo - đảo danh trong thư tịch hiện đại (Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 6 (65).2007); Chương 2: Khái quát về quá trình nghiên cứu Nam Hải chư đảo của học giới Trung Quốc từ 1909-2005 (*Nghiên cứu và Phát triển*, số 4 (69).2008); Chương 3: Vấn đề lịch sử địa danh Nam Hải chư đảo trong thư tịch cổ Trung Quốc. So với dự kiến ban đầu, nhan đề của tập khảo luận “Nam Hải chư đảo danh xưng sơ khảo” được tác giả đổi thành “Nam Hải chư đảo lịch sử địa danh khảo luận”, các chương mục cũng được tác giả chỉnh sửa lại do những phát hiện mới trong quá trình tiếp cận tư liệu. Vì là công trình nghiên cứu cá nhân, lại phải mất nhiều thời gian và công sức tra cứu, tham khảo hàng ngàn trang tư liệu, nên việc công bố không thể bảo đảm sự liên tục. Cũng do số trang của tạp chí có hạn, các phụ lục sẽ được đăng dẫn ở các số báo tiếp theo.

Chương II

Khái quát về quá trình nghiên cứu Nam Hải chư đảo
của học giới Trung Quốc từ 1909 đến 2005

B. Giai đoạn bột phát và định hình (1948-2005)

Trên cơ sở những công trình nghiên cứu hoặc thấu thập được ở *giai đoạn sơ thám*, các lĩnh vực liên quan đến Nam Hải chư đảo được triển khai trên diện rộng, dày dặn và chuyên sâu hơn, ngoài các công trình nghiên cứu về kinh tế, quốc phòng, giao thông... là các công trình khai thác sử liệu để gắn kết đảo danh và lập thành một hệ thống lý luận chứng minh “chủ quyền trong lịch sử”. Quan sát diễn biến các luận văn và các phát ngôn đã công bố của học giới, giới chức hữu quan Trung Quốc sẽ dễ dàng nhận thấy rằng *yếu tố lịch sử* rất mờ nhạt trong *giai đoạn sơ thám* sẽ được hiện hình ngày một rõ nét trong *giai đoạn bột phát và định hình*. Điều này có thể được lý giải rằng, đó là động thái đối phó với một quốc gia lân cận - Việt Nam - hiện đang sở hữu hai trong bốn quần đảo Nam Hải với những chứng cứ liên tục, chặt chẽ và ổn định.

* Thành phố Hồ Chí Minh.

Như một cuộc đua ngược dòng thời gian bột phát bất thường giữa học giới Trung Quốc, các đảo danh được xác định lúc đầu có bằng chứng từ thời Minh, rồi Nguyên, Tống và chạy mãi tới Hán, thậm chí đến Tần. Để tìm hiểu giai đoạn này, chúng ta sẽ lần lượt tiếp cận từng phương thức thể hiện đối tượng, tức các địa danh vùng biển Nam Hải gồm:

- Các bài viết ngắn trên báo hoặc tạp chí;
- Các công trình nghiên cứu in thành sách;
- Các địa đồ và địa đồ tập;
- Các văn kiện của chính phủ Trung Quốc.

1. Vấn đề địa danh Nam Hải chư đảo trên các báo san

Trong giai đoạn hơn 50 năm này, ước tính toàn Trung Quốc có hơn 2.000 bài viết đăng trên các báo (riêng *Nhân Dân nhật báo* khoảng 400 bài) nêu lên vấn đề địa danh, chủ quyền và các mặt khác thuộc Nam Hải chư đảo. Khảo luận này sẽ chọn 10 bài viết làm cơ sở tham khảo. Việc chọn lọc tuy chủ quan nhưng dựa vào các tiêu chí như sau: Tính thời điểm của các bài viết; tính phổ quát của các nội dung được đăng tải; tính toàn diện của các cơ quan tuyên truyền và đương nhiên, phải liên quan trực tiếp đến việc định danh hoặc quần thể hoặc cá thể các đảo ở Nam Hải.

Ngày 7/6/1956 *Quang Minh nhật báo* đăng bài “Nam sa quần đảo hòa Đông, Tây, Trung Sa quần đảo nhất hướng thị Trung Quốc đích lãnh thổ” (Quần đảo Nam Sa và các quần đảo Đông, Tây, Trung Sa từ xưa đến nay là lãnh thổ Trung Quốc) của Chu Khiết. Tác giả bài viết này khá am hiểu về Việt Nam, năm 1945 đã từng sang Việt Nam với vai trò đại biểu Bộ Tài chính trong đoàn cố vấn chính phủ Quốc Dân đảng, thực thi nhiệm vụ của phe Đồng minh tiếp nhận sự đầu hàng của quân đội Nhật Bản tại Hà Nội.⁽²⁶⁾

Bài viết của Chu Khiết ước hơn 2.000 chữ, phủ nhận sự đòi hỏi chủ quyền của Phi Luật Tân, tóm lược quá trình tiếp thu Tây Sa và Nam Sa từ quân đội Nhật Bản năm 1946, nhắc lại lời tuyên bố của Bộ trưởng Ngoại giao Chu Ân Lai về chủ quyền Nam Hải chư đảo ngày 15/8/1951... Chu Khiết tự nhận thấy [đại ý] rằng “từ Đường Tống trở về trước, tuy đã có nhiều kỹ thuật tư nhân ghi nhận về các đảo Nam Hải nhưng danh xưng bất nhất, đạo lý bất tường, khó mà chứng minh được”,⁽²⁷⁾ riêng từ đời Minh về sau có thể dựa vào các sách địa phương chí và một số ghi chép tư gia để khẳng định quyền sở hữu của người Trung Hoa đối với các quần đảo Nam Hải. Thư tịch Chu Khiết dẫn dụng gồm 8 sách⁽²⁸⁾ và một trích đoạn điều ước Trung-Pháp (Bắc Kinh 26/6/1887). Sáu trong số 8 cuốn sách mà Chu Khiết nêu tên không nói lên được điều gì cụ thể, không nêu chương mục và kể cả trích văn dẫn chứng nên chúng tôi không bàn đến. Riêng về 2 sách *Quảng Đông thông chí* và *Quỳnh Châu phủ chí* Chu Khiết viết rằng: “Trong các sách này gọi Tây Sa quần đảo, Trung Sa quần đảo là Thiên Lý Thạch Đường, là một dải “San hô quần đảo” liên miên ngàn dặm, thẳng tiếp đến Nam Sa quần đảo.”⁽²⁹⁾ Về mặt trích dẫn tài liệu lịch sử, Chu Khiết thiếu hẳn tính khoa học, 2 sách được nêu

không rõ do ai soạn (Tổng tài) và soạn năm nào. *Quảng Đông thông chí* chỉ ít có đến 4 bộ gồm: 1) do Hoàng Tá làm Tổng tài, soạn năm 1560 (Minh, Gia Tĩnh năm thứ 39); 2) do Kim Quang Tổ soạn năm 1679 (Thanh, Khang Hy năm thứ 18); 3) do Hách Ngọc Lân soạn năm 1731 (Thanh, Ung Chính năm thứ 9); 4) do Nguyễn Nguyên soạn năm 1822 (Thanh, Đạo Quang năm thứ 2). Đây không xét tên gọi ứng với vị trí quần đảo nào trong vùng Nam Hải [thuộc mục tiêu của chương III], chỉ nhìn riêng về cách ghi nhận tên gọi, 4 bộ *Quảng Đông thông chí* nêu trên chỉ ghi nhận các tên Vạn Lý Thạch Đường, Vạn Lý Trường Đê, Thạch Đường Hải, Trường Sa Hải, Thiên Lý Trường Sa.⁽³⁰⁾ Như vậy, tên Thiên Lý Thạch Đường do Chu Khiết nêu ra không rõ từ đâu.

Quỳnh Châu phủ chí chỉ ít có đến 5 bộ: 1) do Ngưu Thiên Túc làm Tổng tài, soạn năm 1676 (Thanh, Khang Hy năm thứ 15); 2) do Giả Đường soạn năm 1706 (Thanh, Khang Hy năm thứ 45); 3) do Tiêu Ứng Thực soạn năm 1774 (Thanh, Càn Long năm thứ 39); 4) do Bạch Minh Nghị soạn năm 1841 (Thanh, Đạo Quang năm Tân Sửu); 5) do Long Bân bổ san năm 1891 (Thanh, Quang Tự năm thứ 16). Hai bộ của Bạch Minh Nghị và Long Bân được xem là hoàn chỉnh vì kế thừa và bổ sung ba bộ trước đó, cũng chỉ ghi nhận các tên: Vạn Lý Trường Sa, Thạch Đường Hải, Trường Sa Hải, Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường.⁽³¹⁾

Tóm lại, qua hai bộ địa phương chí mà Chu Khiết nêu khó tìm được tên Thiên Lý Thạch Đường và San Hô quần đảo để cho ứng vào Tây Sa và Nam Sa như bản ý của bài viết. Chu Khiết là người học rộng, trước đây qua sách *Việt Nam thọ hàng nhật ký* tôi thậm chí khen ông ta cẩn thận và ưa tìm hiểu. Trong 6 tháng làm việc ở Việt Nam, mỗi tối họ Chu duyệt lãm *Việt Nam cổ sử* do người bạn là Trần Tu Hòa soạn, lại đọc và nghiên cứu *Đại Việt sử ký toàn thư*, sau đó lại biên soạn *Việt Nam lịch đại vương triều thế hệ biểu...*⁽³²⁾ Tuy nhiên, qua bài viết trên *Quang Minh nhật báo*, Chu Khiết tỏ ra khá mơ hồ về kiến thức lịch sử địa dư Trung Quốc (?).

Nam Phương nhật báo ngày 13/8/1956 đăng bài viết của Mạch Uẩn Du tiêu đề “Nam Sa quần đảo thị ngã quốc đích thần thánh lãnh thổ, bất dung xâm phạm” (Quần đảo Nam Sa là cõi đất thiêng liêng của nước ta, không để bị xâm phạm), ước hơn 3.000 chữ. Trong đoạn văn dùng cứ liệu lịch sử để chứng minh chủ quyền, họ Mạch dẫn dụng 8 tên sách gồm: 1) *Chư phiên chí*,⁽³³⁾ 2) *Nguyên sử*, 3) *Võ bị chí*, 4) *Tinh sai thắng lãm*, 5) *Doanh nhai thắng lãm*, 6) *Tây dương phiên quốc chí*, 7) *Dương phòng tập yếu*, 8) *Hải quốc kiến văn lục*.⁽³⁴⁾ So với Chu Khiết, họ Mạch tiến xa hơn về niên đại sách dẫn, *Chư phiên chí* viết đời Tống và *Nguyên sử* thuộc sử liệu đời Nguyên, các sách số 3, 4, 5, 6 thống nhất với Chu Khiết, bốn sách này liên quan trực tiếp đến sự kiện Trịnh Hòa hạ Tây dương. Về sử liệu đời Thanh, họ Mạch không dẫn địa phương chí như Chu Khiết mà dẫn 2 sách 7, 8 là các biên chép về biển. Phương pháp tiếp cận và trưng dẫn tài liệu của họ Mạch không hơn họ Chu, nghĩa là chỉ kể tên sách và nói rằng các sách ấy có ghi nhận các tên gọi Vạn

Lý Trường Sa hoặc Vạn Lý Thạch Đường, Thiên Lý Trường Sa hoặc Thiên Lý Thạch Đường tức ám chỉ Tây Sa và Nam Sa.⁽³⁵⁾

Nhân Dân nhật báo ngày 28/2/1959 đăng bài viết “Trung Quốc đối Tây Sa quần đảo đích chủ quyền tuyệt đối bất dung xâm phạm” (Trung Quốc tuyệt đối không chấp nhận sự xâm phạm chủ quyền đối với Tây Sa quần đảo). Bài viết này đặt trọng tâm vào vấn đề “chủ quyền truyền thống” để phản đối các công bố của chính phủ Nam Việt Nam, lập luận đại ý rằng: “Từ thế kỷ 15, các quần đảo ở biển Nam Trung Quốc gồm Nam Sa, Đông Sa, Trung Sa và Tây Sa đã được liệt nhập vào bản đồ Trung Quốc nên thuộc lãnh thổ Trung Quốc. Lúc ấy người Trung Hoa gọi Tây Sa quần đảo bằng tên Thất Châu Dương, việc này có thể thấy rõ qua sách *Tĩnh sai thắng lãm* của Phí Tín, người đã cùng Trịnh Hòa hạ Tây dương và cũng thấy trong *Trung Quốc khôn dư tường chí* của giáo sĩ Gia Tô người Pháp là Hạ Chi Thời [Richard Louis] xuất bản năm 1905, sách này chứng thực rằng cổ thư Trung Quốc từng gọi Tây Sa quần đảo là Thất Châu Dương.”⁽³⁶⁾ Sự gắn kết có vẻ như khách quan này - qua một chứng thực do trứ tác của người Pháp - về tên gọi Thất Châu Dương đối với Tây Sa của *Nhân Dân nhật báo* cùng với nhiều bài viết khác đương thời là một bước đi quá đà. Sau 20 năm nghiên cứu cẩn thận, Đàm Kỳ Tương, một học giả thuộc loại giỏi ở Trung Quốc - chuyên trị lĩnh vực lịch sử địa lý học - trong bài “Thất Châu Dương khảo”⁽³⁷⁾ đã thừa nhận rằng: “Trong hơn 70 năm qua, do sự ảnh hưởng sách *Trung Quốc khôn dư tường chí* của Hạ Chi Thời quá lớn, các nhà Hán học ngoại quốc như Bá Hy Hòa [P. Pelliot], Đằng Điền Phong Bát (Nhật), các nhà sử địa học trong nước như Phùng Thừa Quân, Hướng Đạt,⁽³⁸⁾ cho đến vô số bài báo trước sau giải phóng (1949) đề cập đến lịch sử Nam Hải chư đảo, dựa vào đó để tạo ra quá nhiều lập luận. Trên thực tế tuyệt đối rơi vào sai lầm.”⁽³⁹⁾ Đàm Kỳ Tương đã chứng minh cụ thể địa danh Thất Châu Dương mà Phí Tín và Richard Louis nói đến không thể ứng vào vị trí Tây Sa quần đảo như kết luận của *Nhân Dân nhật báo* ngày 28/2/1959.

Quang Minh nhật báo ngày 24/11/1975 đăng bài “Nam Hải chư đảo tự cổ tự thị ngã quốc lãnh thổ” (Nam Hải chư đảo từ xưa đã thuộc về lãnh thổ nước ta) ước hơn 6.000 chữ của Sử Độ Tổ,⁽⁴⁰⁾ nội dung chia làm 4 phần: 1) Khái quát về địa lý Nam Hải chư đảo; 2) Việc phát hiện và kinh doanh tại Nam Hải chư đảo của nhân dân Trung Quốc; 3) Sự quản lý hành chính đối với Nam Hải chư đảo của chính phủ Trung Quốc trong các thời kỳ lịch sử; 4) Không chấp nhận sự xâm phạm đối với lãnh thổ thần thánh.⁽⁴¹⁾ Liên quan đến lịch sử địa danh thuộc phần 2 và 3, về niên đại phát hiện các quần đảo vùng Nam Hải của người Trung Quốc và quản lý chúng của quan viên hành chính địa phương được Sử Độ Tổ xác định từ đời Đông Hán [qua sách *Hậu Hán thư*], tức sớm hơn gần 1.000 năm so với Mạch Uẩn Du xác định (đời Tống). Chỉ riêng trong sử tịch Trung Quốc, Sử Độ Tổ dẫn dụng 26 đơn vị⁽⁴²⁾ gồm 22 sách và 4 địa đồ, quá trình mệnh danh được diễn tả như sau [đại ý]: Từ đời Hán đến Tam Quốc vùng biển Nam Hải được gọi là Trường Hải; đời

Tống, Nguyên các quần đảo ở Nam Hải được gọi là Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường, quần đảo Tây Sa gọi là Thất Châu Dương hoặc Cửu Nhữ Loa Châu; đời Minh gọi chung các quần đảo là Thạch Tinh Thạch Đường, Thạch Đường, Vạn Sinh Thạch Đường dư; đến đời Thanh, không thấy Sử Đệ Tổ cho tên gọi tương đương mặc dầu có dẫn các sách để chứng tỏ sự quản lý hành chính. Dựa vào một chi tiết trong *Sử Tây ký trình* [1876] của Công sứ nhà Thanh là Quách Tung Đảo, Sử Đệ Tổ vô tình thừa nhận Tây Sa có một danh xưng rất Tây là Phạ Lạp Tô đảo 帕拉蘇島 và không lý giải được về sự biến đổi đột ngột về cách gọi tên này trong một thời điểm lịch sử khá gần và mang tính then chốt trong chuỗi lập luận. Ngoài việc đẩy lùi về quá khứ một cách ngoạn mục qua việc tăng cường số thư tịch gấp ba lần so với các tác giả trước đây, Sử Đệ Tổ còn phác dựng một mô thức diễn tả quá trình mệnh danh cho vùng biển và các quần đảo Nam Hải, tuy nhiên công việc này chỉ đáng gọi là một cuộc diễn tập cho các cuộc biểu diễn sử liệu về sau này của các học giả khác. Khuyết điểm dễ nhận thấy trong bài viết của Sử Đệ Tổ là lặp lại sai lầm của *Nhân Dân nhật báo* về vấn đề gắn tên Thất Châu Dương cho quần đảo Tây Sa, và mặt khác không giải quyết được đề cương tự định ra, tức trong việc mệnh danh theo tiến trình lịch sử các triều đại đã không đề cập đến giai đoạn nhà Đường-Ngũ đại (618-960) và cuối cùng không lý giải vì sao những danh xưng có bề dày lịch sử đã không còn được sử dụng vào đời Thanh. Trong chuyên luận *Hoàng Sa - quần đảo Việt Nam* của tác giả Văn Trọng,⁽⁴³⁾ một số lập luận sai lầm thuộc các điều mục cụ thể do Sử Đệ Tổ nêu ra được phân tích khá rõ.⁽⁴⁴⁾

Một phương thức khác - thể hiện việc sử dụng địa danh làm tiền đề cho vấn đề chủ quyền - cần được tham khảo, có thể xem bài “Tây Sa quần đảo hòa Nam Sa quần đảo tranh đoan đích do lai” (Nguyên nhân của sự tranh chấp hai quần đảo Tây Sa, Nam Sa) do *Tân Hoa xã* công bố ngày 14/5/1979 và *Nhân Dân nhật báo* đăng ngày 15/5/1979.⁽⁴⁵⁾ Bài viết này không liệt kê sử liệu Trung Quốc để chứng minh chủ quyền như các bài viết đã lược tả, mà chỉ khai thác các lời phát ngôn của giới chức có thẩm quyền hoặc các ấn phẩm của quốc gia lân cận (Việt Nam), các phát ngôn hoặc ấn phẩm này liên quan đến vấn đề hải giới, hoặc liên quan đến vấn đề danh xưng các quần đảo Nam Hải, xuất hiện từ năm 1956 đến năm 1974.⁽⁴⁶⁾

Bài viết trên tuy nằm ngoài chủ trương nghiên cứu của khảo luận này, tuy nhiên chúng tôi vẫn đề cập đại khái và xem nó như là một biểu hiện của chiều hướng nghiên cứu đối kháng tiêu biểu, đồng thời xem đó như là một thành tố cần phải lưu ý trong hệ thống luận chứng của chính giới và học giới Trung Quốc về vấn đề đang khảo cứu.

Hướng lý luận đối sánh sử liệu trong và ngoài Trung Quốc là một hình thức sâu sắc hơn của chiều hướng nghiên cứu đối kháng được trình bày qua bài viết một vạn chữ của Quách Vĩnh Phương đăng trên tập san của Trung Quốc Khoa học viện đồ thư quán ngày 20/9/1979 với tiêu đề “Việt Nam sử tịch ký tải đích Hoàng Sa, Trường Sa quyết phi ngã Tây Sa, Nam Sa quần

đảo” [Hoàng Sa và Trường Sa biên chép trong sử tịch Việt Nam không phải là Tây Sa và Nam Sa quần đảo của nước ta].⁽⁴⁷⁾ Bài viết này, về mục đích như đề tựa đã nêu, nghĩa là chứng minh rằng các tên gọi Hoàng Sa và Trường Sa trong nhiều nguồn thư tịch cổ của Việt Nam đề cập là để chỉ những nhóm đảo hoặc bãi cát ven biển miền Trung Việt Nam, chúng hoàn toàn khác với Tây Sa và Nam Sa mà Trung Quốc đang gọi và sử tịch Trung Quốc từng gọi bằng các tên khác, cũng có nghĩa là mệnh danh trong sử tịch và hiện tại do Trung Quốc sử dụng ứng vào vị trí thực thể địa lý Nam Hải chư đảo, và ngược lại đối với Việt Nam.

Ngoài việc truy tầm các sử liệu Việt Nam để phân tích và suy diễn trên quan điểm đối kháng, Quách Vĩnh Phương cũng phản bác các luận điểm của vài người trong học giới Việt Nam hiện đại như Thái Văn Kiểm, Lãng Hồ, Nguyễn Nhã qua các bài viết in trong tạp san *Sử địa* số 29 (Tháng 1-3 năm 1975) và Văn Trọng qua bài viết trong tạp chí *Cộng sản* (Kỳ 6, năm 1979).

Cần nhấn mạnh rằng vào thời điểm này, công việc phiên dịch các bài viết hoặc biên khảo khoa học bằng Việt văn sang Trung văn đối với đề tài Hoàng Sa-Trường Sa trở nên khẩn trương đối với học giới Trung Quốc. Tiêu biểu là năm 1978 *Thương vụ ấn thư quán* xuất bản công trình biên dịch của Đới Khả Lai⁽⁴⁸⁾ “Hoàng Sa hòa Trường Sa đặc khảo - 黃沙和長沙特考” từ nguyên tác Việt văn “Đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa” tức quý san *Sử địa* số 29. Học giới Trung Quốc sử dụng bản dịch này ở hai góc độ, một là, làm đối tượng để tranh biện; hai là, thu thập các thông tin về khảo sát khoa học, khảo cứu từ nguyên các địa danh gốc Tây phương để bổ sung hoặc lý giải một số vấn đề còn bỏ ngỏ và giải thích sai lầm trước đây.

Về phương pháp thực hiện, Quách Vĩnh Phương trích lục dữ liệu mô tả Hoàng Sa và Trường Sa từ 12 bộ sử thư và dư địa chí Việt Nam⁽⁴⁹⁾ từ thế kỷ 15 đến đầu thế kỷ 20, đồng thời vận dụng thêm 3 bộ cổ sử⁽⁵⁰⁾ và bộ *Đồng Khánh ngự lãm địa dư đồ chí* do Đông Dương Văn khố ấn hành tại Nhật Bản năm Chiêu Hòa 18 (1943), bản dịch *Chiêm Bà sử* của Phùng Thừa Quân (từ nguyên tác Pháp văn *le Royaume de Champa* của Georges Maspero); tài liệu/hồ sơ trích từ *Dị vực truyền giáo hội đương án - Giao Chỉ China* (quyển 726, trang 519-533) của Giám mục Labbe, năm 1718; từ sách *Giao Chỉ China địa lý lược ký* của Tháp Bá Nhĩ [Jean Louis Tabert]; Hội san *Luân Đôn địa lý học hội* [Journal of the Geographical Society of London] quyển 19, năm 1849. Sử liệu Trung Quốc được vận dụng 18 loại, trong đó gồm 7 địa đồ, 3 tập địa đồ thuyết minh, 7 sách trong kho tàng văn hiến và 1 sách thời Dân quốc.⁽⁵¹⁾

Vốn sẵn lợi thế trong việc đọc và phân tích tài liệu Hán văn Việt Nam, Quách Vĩnh Phương tiến hành việc nghiên cứu với nguồn tư liệu khá phong phú, nêu được nhiều vấn đề mới lạ khác hẳn các bài viết trước. Trong khuôn khổ toát yếu, chúng tôi nhận thấy cách đặt vấn đề của họ Quách khá đơn giản và giải quyết vấn đề thì lại quá phức tạp, thiếu phương pháp chọn lọc sử liệu dẫn đến tình trạng “chết đuối” trong số lượng (sử liệu được dẫn dụng đơn điệu bởi chỉ mang đặc tính mô tả địa lý sơ lược và sao chép từ một nguồn),

biện giải vấn đề phiến diện do chối bỏ quan điểm ứng dụng phương pháp địa danh học của đối phương. Thí dụ dưới đây nhằm minh họa cho một trong các nhận định đã nêu. Quách Vĩnh Phương viết:

“Theo bức “An Nam đồ” trong sách *Võ bị chí* của Mao Nguyên Nghi đời Minh, ở bờ biển gần phủ Thuận Hóa thuộc Trung Bộ Việt Nam, vị trí này được vẽ tách biệt hai cảng khẩu, và ghi rõ là “Tiểu Trường Sa hải khẩu” và “Đại Trường Sa hải khẩu”.

Căn cứ vào bức “An Nam quốc dư địa đồ” hiện tàng trữ tại Cổ cung Bác vật viện, tại cửa biển Thuận Hóa, phủ Thừa Thiên có vẽ hai đảo nhỏ, ghi rõ là “Tiểu Trường Sa” và “Đại Trường Sa”.⁽⁵²⁾

Đoạn văn trên là một trong 16 cứ liệu tương tự được họ Quách dẫn dụng để chứng minh các danh xưng Hoàng Sa và Trường Sa mà học giả Việt Nam đang đề cập, thật ra chỉ là những đảo nhỏ hoặc bãi cát ven bờ biển từ cửa Việt (Quảng Trị) đến cửa Tư Dung (Thừa Thiên Huế) với các tên “Tiểu Trường Sa” và “Đại Trường Sa”.

Vấn đề đáng bàn là cách củng cố lý luận của họ Quách ở đoạn văn vừa nêu, sau khi đưa ra một cứ liệu của người Trung Quốc đời Minh về địa đồ An Nam và sau đó là một đối sánh nhằm củng cố vấn đề được dẫn bởi một địa đồ không rõ nguồn gốc [và nhiều khả năng được thực hiện bởi người Trung Quốc qua cách đặt tên bức địa đồ]. Ngoài việc lập luận không có tính thuyết phục,⁽⁵³⁾ cách giải quyết vấn đề theo kiểu đắp đổi và khai thác sự trùng lặp địa danh của Quách tiên sinh khiến không thể không liên tưởng đến bức “Diên hải toàn đồ” trong *Hải quốc văn kiến lục* của Trần Luân Quýnh,⁽⁵⁴⁾ trong bức địa đồ bờ biển Trung Quốc này tiêu danh Đông Sa và Tây Sa ở vị trí hai bên tả hữu cảng Đại Quan thuộc phủ Liêm Châu tỉnh Quảng Đông đời Thanh! Nhìn chung, bài viết của Quách Vĩnh Phương đem cách giải quyết vấn đề khá phức tạp để giải quyết cách đặt vấn đề rất đơn giản. Ấn tượng của bài viết là những lời lẽ mặt sát, miệt thị người đối thoại - gần 1.000 chữ trong 1 vạn chữ của khảo luận - có thể nói họ Quách dẫn đầu trong việc sử dụng ngôn từ bất nhã trong số gần 20 học giả tham gia tranh luận học thuật về vấn đề Nam Hải chư đảo, có quá nhiều đoạn và câu khó mà nghĩ rằng được viết ra bởi người có kiến thức và học vị ở một đất nước mà họ thường tự hào có nhiều ngàn năm văn hiến!

Quang Minh nhật báo ngày 5/4/1980 có bài viết của Hàn Chấn Hoa⁽⁵⁵⁾ với tiêu đề “Tây phương sử tịch thượng đích Phạ Lạp Tắc Nhĩ bất thị ngã quốc Tây Sa quần đảo” (Phạ Lạp Tắc Nhĩ (Paracel) trong sử tịch phương Tây không phải là quần đảo Tây Sa nước ta). Bài viết ngắn ước 4.000 chữ này với mục tiêu phản bác lại việc xác định chủ quyền Hoàng Sa của chính phủ Việt Nam trong lần công bố “Bạch thư” ngày 28/9/1979. Một trong những lý do xác định chủ quyền mà “Bạch thư” nêu ra căn cứ vào một số tài liệu của các nhà hàng hải và giáo sĩ Tây phương trước thế kỷ 19 về đảo danh Paracel (tức Hoàng Sa). Hàn Chấn Hoa cũng trích dẫn một số tài liệu của phương Tây và cho rằng tên gọi Paracel được mô tả bởi người Tây phương từ trước thập niên thứ 10 thế kỷ 19 là để chỉ các đảo gần bờ biển Trung Bộ Việt Nam, không

phải để nói về địa điểm Paracel hiện nay. Nhưng kể từ sau thập niên 20 thế kỷ 19, ghi chép liên quan đến danh xưng Paracel được ám chỉ gồm cả Paracel (Tây Sa, theo cách gọi của Trung Quốc) hiện nay. Đại khái, Hàn Chấn Hoa lợi dụng hiện tượng khái niệm địa danh mở rộng hoặc trùng danh để gắn kết hoặc không gắn kết vào thực thể địa lý, việc gắn kết này có thể “lĩnh động” trong những khoảng thời gian và không gian chủ quan. Thủ pháp này được phát huy trong nhiều công trình nghiên cứu quy mô hơn như “Bãi Cát Vàng, Bãi Trường Sa Kim Địa khảo” (1992) và “Nam Hải chư đảo sử địa luận chứng” (2003). [Sẽ tiếp cận ở phần khái quát về các công trình nghiên cứu].

Trung Quốc quân sự khoa học tạp chí, kỳ 4 năm 1988 đăng bài viết của 3 tác giả cùng làm việc tại Sở Nghiên cứu học thuật quân sự hải quân, Tô Độc Sử, Ngô Thanh Ngọc và Thân Trường Kính, tiêu đề “Trung Quốc nhân dân vì hân vệ Nam Sa quần đảo chủ quyền tiến hành đích đấu tranh” (Nhân dân Trung Quốc đấu tranh bảo vệ việc thực thi chủ quyền Nam Sa quần đảo).⁽⁵⁶⁾ Nội dung chia làm 5 phần, gồm:

1. Nhìn lại lịch sử.
2. Sự chiếm lĩnh bằng quân sự của đế quốc Pháp, Nhật.
3. Sự khôi phục chủ quyền lãnh thổ sau thế chiến.
4. Sự xâm chiếm phi pháp của Việt Nam và các nước.
5. Nhân dân Trung Quốc vì chủ quyền lãnh thổ, đấu tranh bảo vệ Nam Sa quần đảo.

Bài viết mang tính cách giáo dục và cổ động tinh thần nhân dân một ý thức về quần đảo Nam Sa. Liên quan đến vấn đề địa danh thuộc phần “nhìn lại lịch sử”, phần viết này tóm lược lại lịch quá trình phát hiện, sở hữu, định danh vùng biển và các đảo, bắt đầu từ Đông Hán đến đời Thanh, vận dụng các sử liệu trong 28 sách⁽⁵⁷⁾ hầu hết các sách trùng lặp với thư mục Sử Đệ Tổ và một số tác giả khác đã trích dẫn.

Trung Quốc biên cương sử địa nghiên cứu (quý san), tạp chí của Trung tâm Nghiên cứu sử địa biên cương, trực thuộc Viện Khoa học xã hội Trung Quốc, kỳ 1 năm 1992 đăng bài viết của Tô Độc Sử, tiêu đề “Lược đàm hân vệ ngã quốc hải cương vấn đề” [Bàn về vấn đề bảo vệ cương giới biển nước ta],⁽⁵⁸⁾ bài viết hơn 7.000 chữ này bàn về 3 vấn đề:

1. Xác định biên giới biển là một bộ phận trọng yếu trong tổng thể cương vực quốc gia.
2. Lịch sử đấu tranh gìn giữ cương giới biển của nhân dân Trung Quốc.
3. Tiếp tục tăng cường lực lượng đấu tranh phòng vệ cương giới biển.

Phần thứ nhất trình bày đại cương về tổng thể cương giới biển toàn Trung Quốc, gồm lãnh hải, hải diện, số lượng các đảo và quần đảo; các quy định của quốc gia, công ước quốc tế về lãnh hải và thêm lục địa đã kinh qua trong lịch sử.

Phần hai ôn lại quá trình đấu tranh với các thế lực quân sự nước ngoài, hoặc các cuộc hải chiến hoặc các lần tranh chấp các đảo và quần đảo. Nêu đại

lược các quan điểm đề cao tầm quan trọng của hải dương hoặc tầm nhìn chiến lược về hải dương của Lâm Tắc Từ, Ngụy Nguyên, Tôn Trung Sơn, Tưởng Giới Thạch, Mao Trạch Đông.

Phần cuối cùng là vấn đề phát hiện, chiếm hữu, định danh đối với Nam Hải chư đảo, lược thuật các trận hải chiến Tây Sa năm 1974, Nam Sa năm 1988. Lịch sử khai phát dẫn 6 sách, xưa nhất là *Dị vật chí* của Dương Phu thời Đông Hán, trình bày giản lược. Nhìn chung, Tô Độc Sử có khả năng khái quát vấn đề, ngoài việc cung cấp nhiều sử liệu cận hiện đại, bài viết còn phác dựng một nguồn mạch tư tưởng “lấn ra biển lớn” của các tướng lãnh cao cấp cuối đời Thanh và các lãnh tụ Trung Quốc cận hiện đại [đây cũng là lý do vì sao chúng tôi điểm lược bài viết này, vì xét ra vấn đề lịch sử địa danh được trình bày khá sơ lược].

Không khí báo chí của giai đoạn này sẽ kém khách quan nếu không đề cập đến việc tranh luận về vấn đề xác định địa danh và chủ quyền Tây Sa:Hoàng Sa, Nam Sa:Trường Sa giữa Trung Quốc và Việt Nam. Bối cảnh của khảo luận này là Trung Quốc và đối tượng của phần đang phản ánh là báo san Trung Quốc, vì vậy việc lược bình vấn đề tranh luận chỉ giới hạn trong tập san *Sử địa* số 29 “Đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa” với lý do là tập chuyên luận bằng Việt văn này đã được chuyển dịch sang Trung văn và xuất bản ở Trung Quốc.⁽⁵⁹⁾ Học giả Lãng Hồ⁽⁶⁰⁾ trong bài viết “Hoàng Sa và Trường Sa, lãnh thổ Việt Nam” đã thảo luận từng điều mục và nêu rõ quan điểm đối với các lập luận của Tề Tân trong bài viết “Nam Hải chư đảo đích chủ quyền dữ Tây Sa quần đảo chi chiến” [Chủ quyền Nam Hải chư đảo và cuộc chiến ở quần đảo Tây Sa],⁽⁶¹⁾ ngoài đối tượng chính là bài viết của Tề Tân, Lãng Hồ cũng đề cập đến một số bài viết trước kia như “Nam Sa quần đảo hòa Đông, Tây, Trung Sa quần đảo nhất hướng thị Trung Quốc lãnh thổ” của Chu Khiết (*Quang Minh nhật báo*, ngày 7/6/1956); “Ngã quốc Nam Sa quần đảo đích chủ quyền bất dung xâm phạm” của Thiệu Tuần Chính⁽⁶²⁾ (*Nhân Dân nhật báo*, ngày 5/6/1956); “Nam Hải chư đảo lịch lai thuộc Trung Quốc” (Học thời sự - *Văn Hối báo*, số 2/1974).

Bài viết của Tề Tân dẫn cứ liệu từ 8 sách cơ bản trong sử tịch từ Đông Hán đến Thanh, một điều mục trong “Tục hiệp nghị Trung-Pháp-Việt (26/6/1887)” và các địa đồ của Anh, Mỹ, Nga, Ý xuất bản từ năm 1953 đến 1973. Tề Tân và các tác giả khác - chung quy - vẫn trên quan điểm dựa vào cứ liệu trong sử tịch để khẳng định chủ quyền lịch sử và suy ra chủ quyền hiện tại. Cứ liệu cơ bản của Lãng Hồ được trích lục từ 10 sách trong sử tịch Trung Quốc, 2 trứ tác thời Dân quốc, 3 điều mục từ các hiệp ước Pháp-Trung ngày 9/6/1886, Thiên Tân ngày 18/5/1884, Bắc Kinh ngày 26/6/1887 và biên niên sự kiện từ 1879 đến 1974, 3 trứ tác của học giả Nhật Bản hiện đại, 2 trứ tác của học giả Tây phương và 7 nguồn tư liệu Việt Nam.⁽⁶³⁾

Phương pháp của Lãng Hồ là - trên cơ sở các điều mục mà học giới Trung Quốc dẫn dụng - tiến hành phân tích để tìm đến một cách thấu hiểu nhất quán, hoặc đối chiếu cách ghi nhận từ nhiều thư tịch về một sự kiện, sự vật

để tìm đến một giải pháp thừa nhận hoặc phủ định, sự hợp lý của vấn đề được tìm kiếm trong tần suất và tính khách quan của cứ liệu.

Sau khi bài viết của Lãng Hồ [cùng toàn bộ tập san *Sử địa* số 29] được giáo sư Đại học Trịnh Châu Đới Khả Lai dịch sang Trung văn, Quách Vĩnh Phương và nhiều học giả khác đã viết bài tranh luận, tuy nhiên, mỗi bài viết chỉ đề cập đến vài vấn đề - tùy theo sở trường của người viết - và những luận điểm phản hồi cho thấy chưa có sự thông hiểu - ít ra - về chuẩn mực khoa học không bị cách trở bởi rào cản ngôn ngữ/văn tự.⁽⁶⁴⁾

Một vài cơ quan báo san khác trong vùng Đông Nam Á được điều hành hoặc có sự tham gia hoặc chịu sự tác động bởi các Hoa kiều cũng góp một phần vào những chủ trương của đại lục và đảo Đài Loan. Trên cơ sở đồng quan điểm về vấn đề địa danh và chủ quyền lịch sử Nam Hải chư đảo, việc xác định cực nam của Nam Hải chư đảo ở vị trí 4° vĩ bắc (Tăng Mẫu Âm Sa) được công bố khá sớm qua bài viết “Trung Quốc địa vực đích chân giá trị” (Giá trị đích thực của cương vực địa lý Trung Quốc) của Trâu Báo Quân trên nguyệt san *Tự do Thái Bình Dương* (số 3/1957), tòa soạn của nguyệt san này đặt trụ sở và phát hành chủ yếu tại Chợ Lớn (Sài Gòn).⁽⁶⁵⁾ *Trung Hoa chu báo* đặt trụ sở tại Bangkok (Thái Lan), trong số ra ngày 27/1/1974 có bài viết “Trung-Việt Tây Sa quần đảo tranh chấp, Thái quốc bảo trì bất can dự lập trường” (Thái Lan giữ lập trường không can dự vào việc tranh chấp quần đảo Tây Sa giữa Trung Quốc và Việt Nam).⁽⁶⁶⁾ Mặc dù tiêu đề bài viết tỏ quan điểm trung lập, tuy nhiên trong đó tuyên bố ủng hộ chủ quyền hợp pháp của Trung Quốc.

Nhìn chung, trong giai đoạn bột phát và định hình, báo san Trung Quốc đã tiến một bước khá dài, tính chuyên nghiệp cao, ngoài các nhật báo chuyển tải vấn đề ở cấp độ phổ thông là sự xuất hiện các tạp chí chuyên đề, chuyên ngành của nhiều cơ quan nghiên cứu với nhiều bài viết gần với tính chất công trình biên khảo. Hoạt động báo chí giai đoạn này cho thấy một chủ trương tuyên truyền đa dạng đa đối tượng, tuy nhiên hiệu quả của việc lấy số lượng làm tiêu chí cũng đem đến sự bất cập ngoài tiên liệu, con số quá lớn của đơn vị bài viết dẫn đến sự trùng lặp nhàm chán, tình trạng được khắc phục bằng biện pháp truy tìm các cứ liệu trong kho tàng sử thư mênh mông, và động thái tưởng chừng để tăng tính thuyết phục vấn đề lại rơi vào tình thế phát sinh mâu thuẫn. *Ba mâu thuẫn* có thể nhận dạng - trong việc sử dụng cứ liệu lịch sử để định danh, diễn tả quá trình mệnh danh và xác định chủ quyền Nam Hải chư đảo - qua các bài viết là:

1. Mâu thuẫn giữa các dữ kiện trong cùng một bài viết;
2. Mâu thuẫn trong cách lập luận trên dữ liệu giữa các tác giả cùng thời kỳ;
3. Mâu thuẫn trong cách vận dụng sử liệu và lý giải dữ kiện giữa giai đoạn sơ thám và giai đoạn bột phát, định hình.

(Còn tiếp)

P H Q

Kỳ sau: Vấn đề địa danh Nam Hải chư đảo trong các công trình nghiên cứu đã in thành sách.

- (26) Chu Khiết, tác giả sách *Việt Nam thọ hàng nhật ký* - 越南受降日記, Thương vụ ấn thư quán xuất bản năm 1946, ước 7 vạn chữ. Nội dung phân làm 6 quyển, ghi chép về công việc của tác giả trong 6 tháng (từ tháng 9 năm 1945 đến tháng 3 năm 1946) ở Hà Nội.
- (27) “南沙群島和東西中沙群島一向是中國的領土”, 朱契, 光明日報, 1956.6.7. 摘文: 撫在唐宋以前, 我國移民海外, 途經這些島嶼即已經有種種私人記載但是所記名稱不一道里不詳自難作為確實証明” (“Nam Sa quần đảo hòa Đông Tây Trung Sa quần đảo nhất hướng thị Trung Quốc đích lãnh thổ”, Chu Khiết, *Quang Minh nhật báo*, 1956.6.7. Trích văn: viễn tại Đường Tống dĩ tiền, ngã quốc di dân hải ngoại, đồ kinh giá ta đảo dư, tức dĩ kinh hữu chủng chủng tư nhân ký tải. Đãn thị sở ký danh xưng bất nhất, đạo lý bất tường, tự nan tác vi xác thực chứng minh).
- (28) Tám sách Chu Khiết dẫn gồm: *Võ bị chí* (Mao Nguyên Nghi) dẫn chứng phần “Trịnh Hòa hàng hải đồ”; *Doanh nhai thắng lâm* (Mã Hoan); *Tĩnh sai thắng lâm* (Phí Tín); *Tây dương phiên quốc chí* (Cũng Trân); *Tây dương triều cống điển lục* (Hoàng Tĩnh Tăng); *Thanh nhất thống chí*; *Quảng Đông thông chí*; *Quỳnh Châu phủ chí*.
- (29) 摘文: “清代地方志書, 包括清一統志, 廣東通志, 瓊州府志在內稱西沙群島中沙群島為千里石塘, 因為這一系列珊瑚群島綿延千里, 一直接到南沙群島” (Trích văn: “Thanh đại địa phương chí thư, bao quát Thanh nhất thống chí, Quảng Đông thông chí, Quỳnh Châu phủ chí tại nội xưng Tây Sa quần đảo, Trung Sa quần đảo vi “Thiên Lý Thạch Đường”, nhân vi giá nhất hệ liệt “San Hô quần đảo” miên diên thiên lý, nhất trực tiếp đáo Nam Sa quần đảo”).
- (30) Ngay trong thư mục mà Chu Khiết trích dẫn, sách được xem là có niên đại sớm nhất tức *Võ bị chí* (1621) trong đó bức “Trịnh Hòa hàng hải đồ” được xem là vẽ năm 1430 (*Võ bị chí*-quyển 240) đảo danh được ghi nhận có tên “Thạch Đường”, “Vạn Lý Thạch Đường Du”.
- (31) Xem *Quỳnh Châu phủ chí*, Long Bân bổ san, 1891, Lữ Đài Hải Nam đồng hương hội ảnh ấn bản (không ghi năm), 5 cuốn. Quyển Tam, Du địa chí 4, Cương vực, ghi nhận đảo danh “Thiên Lý Trường Sa”, “Vạn Lý Thạch Đường” (cuốn 1, trang 125); Quyển Tứ, thượng, Du địa chí 6, Sơn xuyên ghi nhận địa danh “Trường Sa Hải”, “Thạch Đường Hải”, “Thiên Lý Trường Sa”, “Vạn Lý Thạch Đường”, (cuốn 1, trang 214).
- (32) Xem chú thích 26 và xem *Việt Nam thọ hàng nhật ký* quyển thứ 6, các ngày 22, 23, 24, 25 tháng 3 năm 1946 (Tiêu đề chung: Việt sử chi nghiên cứu).
- (33) *Chư phiên chí* (1225) của Triệu Nhữ Quát (Tống) là sách có niên đại sớm nhất trong các sách mà Mạch Uẩn Du dẫn dụng, trước sách *Võ bị chí* (do Chu Khiết dẫn) khoảng 400 năm.
- (34) Tên sách *Hải quốc văn kiến lục* (1730) của Trần Luân Quýnh (Thanh) thường bị viết nhầm là *Hải quốc kiến văn lục* như trường hợp Mạch Uẩn Du và Tề Tân.
- (35) “南沙群島是我國的神聖領土不容侵犯”, 麥蘊瑁, 南方日報1956年8月13日. 摘文: “因此歷代的文獻, 如宋朝趙汝适所著的“諸番志”清朝嚴如煜所著的“洋防輯要”元朝元史“史弼傳”明朝茅元儀所著的“武備志”, 費信所著的“星槎勝覽”, 馬歡所著的“瀛涯勝覽”, 巩珍所著的“西洋番國志”, 清朝陳倫炯所著的“海國見聞錄”等書, 都說載有南沙, 西沙群島等情況. 他們稱這些島嶼為萬里長沙或萬里石塘, 亦有稱之為千里長沙或千里石塘的”
- (“Nam Sa quần đảo thị ngã quốc đích thần thánh lãnh thổ, bất dung xâm phạm”, Mạch Uẩn Du, *Nam Phương nhật báo*, 13/8/1956. Trích văn: “Nhân thủ lịch đại đích văn hiến,

như Tống triều Triệu Nhữ Quát sở trú đích “Chư phiên chí”, Thanh triều Nghiêm Nhữ Dục sở trú đích “Dương Phòng tập yếu”, Nguyên triều Nguyên sử “Sử Bất truyện”, Minh triều Mao Nguyên Nghi sở trú đích “Võ bị chí”, Phí Tín sở trú đích “Tĩnh sai thắng lãm”, Mã Hoan sở trú đích “Doanh nhai thắng lãm”, Củng Trân sở trú đích “Tây dương phiên quốc chí”, Thanh triều Trần Luân Quýnh sở trú đích “Hải quốc kiến văn lục” đẳng thư, đồ thuyết tải hữu Nam Sa, Tây Sa quần đảo đẳng tình huống tha môn xưng giá ta đảo dư vi Vạn Lý Trường Sa hoặc Vạn Lý Thạch Đường, diệc hữu xưng chi vi Thiên Lý Trường Sa hoặc Thiên Lý Thạch Đường đích”). Nguồn: [*Sử liệu hồi biên*], trang 498.

- (36) “中國對西沙群島的主權絕對不容侵犯” 人民日報 -1959年2月28日. 摘文: 遠在十五世紀初, 南中國海的各島群, 包括南沙群島, 東沙群島, 中沙群島以及西沙群島, 就已經列入中國版圖, 成為中國的領土. 當時中國人把西沙群島呼做“七州洋”跟鄭和“下西洋”的地理學家費信在他的“星槎勝覽”中, 曾有關於“七州洋”的詳細記載. 在 1905 年出版的法國耶穌會教士夏之時著的“中國輿地全志”中, 也証實中國古書上的“七州洋”就是西沙群島”

(Trích văn: “Viễn tại thập ngũ thế kỷ sơ, nam Trung Quốc hải đích các đảo quần, bao quát Nam Sa quần đảo, Đông Sa quần đảo, Trung Sa quần đảo dĩ cập Tây Sa quần đảo, tựu dĩ kinh liệt nhập Trung Quốc bản đồ, thành vi Trung Quốc đích lãnh thổ. Đương thời Trung Quốc nhân bản Tây Sa quần đảo hô tố “Thất Châu Dương”, ngân Trịnh Hòa “hạ Tây dương” đích địa lý học gia Phí Tín tại tha đích “Tĩnh sai thắng lãm” trung, tăng hữu quan vi “Thất Châu Dương” đích tường tế ký tải. Tại 1905 niên xuất bản đích Pháp quốc Gia Tô hội giáo sĩ Hạ Chi Thời(*) trú đích “Trung Quốc khôn dư tường chí” trung, dã chứng thực liễu Trung Quốc cổ thư thượng đích “Thất Châu Dương” tựu thị Tây Sa quần đảo”). Nguồn: [*Sử liệu hồi biên*-1988], trang 502.

* *Bổ chú*: Hạ Chi Thời (Richard Louis, 1868- ?), giáo sĩ Gia Tô, người Pháp, giảng học tại Đại học Chấn Đán, Thượng Hải. Biên soạn xong *Trung Quốc khôn dư tường chí* năm 1905, được dịch sang Anh văn và xuất bản tại Thượng Hải năm 1908, ngoài ra còn biên soạn *Trung Quốc thập bát tỉnh địa đồ*, Thượng Hải xuất bản, 1908. (Theo *Trung Quốc lịch sử đại từ điển*, 2000).

- (37) “Thất Châu Dương khảo - 七洲洋考”, Đàm Kỳ Tương, và xem “Hạ Nãi trí Đàm Kỳ Tương hàm - 夏鼐致譚其驤函” (Thư của Hạ Nãi gửi Đàm Kỳ Tương) ngày 28/10/1979. Xem thêm “Tống Đoan Tông đáo quá đích Thất Châu Dương khảo - 宋端宗到過的七洲洋考” của Đàm Kỳ Tương (4/12/1979) và thư Hạ Nãi gửi Đàm Kỳ Tương ngày 19/12/1979, thư Đàm Kỳ Tương gửi Hạ Nãi ngày mùng 10 tháng Giêng năm 1980, thư Hạ Nãi gửi Đàm Kỳ Tương ngày 26 tháng Giêng năm 1980, thư Đàm Kỳ Tương gửi Hạ Nãi ngày 18/2/1980. Nguồn: [*Địa danh hồi biên*-1987], trang 443-52.

- (38) Những điều lầm lẫn này có thể thấy trong *Chân Lạp phong thổ ký chú* của Bá Hy Hòa (P. Pelliot) [dịch và chú sách *Chân Lạp phong thổ ký* của Châu Đạt Quan]; *Đảo di chí lược chú* của Đằng Diên Phong Bát [chú giải sách *Đảo di chí lược* của Uông Đại Uyên đời Minh]; *Tây vực Nam Hải sử địa dịch tông* của Phùng Thừa Quân; *Lưỡng chủng hải đạo châm kinh hiệu chú* của Hướng Đạt [chú giải hai sách khuyết danh đời Thanh là *Thuận phong tương tổng* và *Chỉ nam chính pháp*, in chung thành một sách và gọi tên là *Lưỡng chủng hải đạo châm kinh*. (Trung Hoa thư cục, Bắc Kinh, 1961). Các chú giải sai lầm của Pelliot (Pháp), Đằng Diên Phong Bát (Nhật), Phùng Thừa Quân và nhất là Hướng Đạt đã làm các học giả Trung Quốc sai lầm tiếp theo rất nhiều, cứ nghĩ “Thất Châu Dương” [ở vào khoảng 20° vĩ bắc] là ám chỉ Tây Sa [16 - 17° vĩ bắc]. Năm 1975, học giả Việt Nam là Lãng Hồ

Nguyễn Khắc Kham trong bài viết “Hoàng Sa và Trường Sa, lãnh thổ Việt Nam” (tập san *Sử địa* số 29) đã căn cứ vào nguyên văn *Lưỡng chủng hải đạo châm kinh* để phân tích, và do không bị ảnh hưởng bởi “chú giải” nên đã chứng minh rằng các mô tả về “Thất Châu Dương” trong 2 sách này không ứng vào vị trí Hoàng Sa (Tây Sa) [Xem thêm các chú thích 60, 61].

39. “七洲洋考” (摘文): 始于一九〇五年法人夏之時所著 “中國潰輿詳志”; 七十多年來影响很大. 外國漢学家如伯希和. 藤田豊八等. 我國治西域南海史地学者如馮承鈞. 向達等, 以至解放前 後所有涉及南海諸島歷史的報刊文章, 都鉛襲了這種說法. 但實際上這種說法是絕對錯誤的.

(“Thất Châu Dương khảo”. Trích văn: “*Thỉ vu nhất cửu linh ngũ niên Pháp nhân Hạ Chi Thời sở trú Trung Quốc khôn dư tường chí, thất thập đa niên lai ảnh hưởng ngân đại. Ngoại quốc Hán học gia như Bá Hy Hòa, Đằng Điền Phong Bát đẳng, ngã quốc trị Tây Vực Nam Hải sử địa học giả như Phùng Thừa Quân, Hướng Đạt đẳng, dĩ chí giải phóng tiền hậu sở hữu thiệp cập Nam Hải chư đảo lịch sử đích báo san văn chương, đô diên sủng liễu giá chủng thuyết pháp. Dân thực tế thượng giá chủng thuyết pháp thị tuyệt đối thác ngộ đích*”. Nguồn: [Địa danh hồi biên-1987], trang 443.

- (40), (41) *Sử Đệ Tổ*, “南海諸島自古就是我國領土”, 光明日報, 年1975 11月24日看 “南沙群島歷史地理研究專集” (“Nam Hải chư đảo tự cổ tựu thị ngã quốc lãnh thổ”, *Quang Minh nhật báo*, 24/11/1975. Căn cứ theo bản in lại trong sách *Nam Sa quần đảo lịch sử địa lý nghiên cứu chuyên tập*, Trung Quốc Khoa học viện Nam Sa tổng hợp khoa học khảo sát đội (biên soạn), Trung Sơn Đại học xuất bản xã, Quảng Châu, 1991, trang 1-10).

- (42) Tư liệu Trung Quốc được *Sử Đệ Tổ* dẫn dụng:

1) *Hậu Hán thư* (Tạ Thừa), Nguồn: *Thái Bình ngự lãm*, quyển 60; 2) *Nam Châu dị vật chí* (Vạn Chấn) Tam quốc; 3) *Phù Nam truyện* (Khang Thái) Tam quốc; 4) *Bình Châu khả đàm* (Châu Úc) Tống; 5) *Lĩnh Ngoại đại đáp* (Chu Khú Phi) Tống; 6) *Quỳnh Quần chí*, Tống; 7) *Chư phiên chí* (Triệu Nhữ Quát) Tống; 8) *Võ kinh tổng yếu* (Tăng Công Lượng) Tống; 9) *Dương phòng tập yếu* (Nghiêm Nhữ Dục) Thanh; 10) *Mộng lương lục* (Ngô Tự Mục) Tống; 11) *Nguyên sử* (Tống Liêm) Minh; 12) *Võ bị chí* (Trịnh Hòa hàng hải đồ) Minh; 13) *Hải ngữ* (Hoàng Trung) Minh; 14) *Đông Tây dương khảo* (Trương Nhiếp) Minh; 15) *Thuận phong tướng tống* (Khuyết danh) Thanh; 16) *Chỉ Nam chính pháp* (Khuyết danh) Thanh; 17) *Đông dương Nam dương hải đạo đồ* (Thi Thế Phiếu) Thanh; 18) *Hải quốc văn kiến lục* (Trần Luân Quýnh) Thanh; 19) *Doanh hoàn chí lược* (Tù Kế Dư) Thanh; 20) *Sứ Tây ký trình* (Quách Tung Đảo) Thanh; 21) *Quỳnh Đài ngoại kỷ* (Vương Tá) Minh; 22) *Dư địa kỷ thắng* (Vương Tượng Chi) Tống; 23) *Tuyền Châu phủ chí* (Hoàng Nhậm) Thanh; 24) *Quỳnh Châu phủ chí* (Bạch Minh Nghi) Thanh; 25) *Hoàng Thanh các trực tỉnh phân đồ* (1755); 26) *Đại Thanh nhất thống thiên hạ đồ* (1817).

- (43) *Hoàng Sa-quần đảo Việt Nam*, Văn Trọng, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1979 (92 trang).

- (44) Bài viết của *Sử Đệ Tổ* đăng trên *Quang Minh nhật báo* ngày 24/11/1975 [mà chúng tôi đã lược khảo], được *Nhân Dân nhật báo* đăng lại vào hôm sau (25/11/1975). Tác giả Văn Trọng căn cứ trên *Nhân Dân nhật báo* để đưa ra các lập luận về những sai lầm của *Sử Đệ Tổ*, xem sách đã dẫn, các trang 44, 46, 47, 49, 51, 61.

- (45) “西沙群島和南沙群島爭端的由來”- 新華社北京五月十四日电, 人民日報1979年五月十五日 “Tây Sa quần đảo hòa Nam Sa quần đảo tranh

đoan đích do lai” (Nguyên nhân của việc tranh chấp quần đảo Tây Sa, quần đảo Nam Sa). Tân Hoa Xã Bắc Kinh ngũ nguyệt thập tứ nhật điện - *Nhân Dân nhật báo* 1979 niên ngũ nguyệt thập ngũ nhật.

- (46) Xem thêm: [*Địa danh hồi biên*-1987], trang 395-98.
- (47) “越南史籍記載的” 黃沙, “長沙” 決非我西沙, 南沙群島”. Việt Nam sử tịch ký tải đích “Hoàng Sa”, “Trường Sa” quyết phi ngã Tây Sa, Nam Sa quần đảo.
- (48) Đới Khả Lai, giáo sư Đại học Trịnh Châu, ngoài việc biên dịch “Hoàng Sa hòa Trường Sa đặc khảo”, còn cộng tác với Vu Hưởng Đông viết bài khảo cứu “Vấn đề *Phủ biên tạp lục* và cái gọi là Hoàng Sa, Trường Sa” (撫邊雜錄與所謂“黃沙”, “長沙” 問題) - *Phủ biên tạp lục* dĩ sở vị “Hoàng Sa”, “Trường Sa” vấn đề), ước 6.500 chữ, đại ý bài viết chứng minh rằng các mô tả và định danh của Lê Quý Đôn trong *Phủ biên tạp lục* không phù hợp với vị trí địa lý Tây Sa và Nam Sa của Trung Quốc. Đới Khả Lai còn có bài “Việt Nam cổ tịch trung đích Hoàng Sa, Trường Sa bất thị ngã quốc đích Tây Sa hòa Nam Sa quần đảo” (Hoàng Sa và Trường Sa trong cổ tịch Việt Nam không phải là Tây Sa và Nam Sa của nước ta) gần 1 vạn chữ, phân tích nhiều nguồn sử liệu Việt Nam. Các bài viết này in trong *Nam Hải chư đảo - địa lý-lich sử-chủ quyền*, Lữ Nhất Nhiên chủ biên, Hắc Long Giang Giáo dục xuất bản xã, 1992 (thuộc *Biên cương sử địa tùng thư*), trang 194-217.
- Trong Hội thảo quốc tế lần thứ nhất về Việt Nam học tại Hà Nội (từ 15 đến 17/7/1998) Đới Khả Lai có bài tham luận “Hoa kiều và người Hoa ở Việt Nam trong *Hải Nam tạp trước* của Thái Đình Lan” ước một vạn chữ. Xem *Các nhà Việt Nam học nước ngoài viết về Việt Nam*, Tập II, Nxb Thế Giới, Hà Nội, 2002, trang 816-38.
- (49) Các bộ sử thư và dư địa chí Việt Nam được Quách Vĩnh Phương dẫn dụng: *Hồng Đức bản đồ*; *Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ* (Đỗ Bá); *Phủ biên tạp lục* (Lê Quý Đôn, 1776); *Lịch triều hiến chương loại chí-Dư địa chí* (Phan Huy Chú, 1821); *Hoàng Việt địa dư chí* (Lê Quang Định, 1833); *Đại Nam thực lục tiền biên* (Nội Các triều Nguyễn, 1844); *Đại Nam thực lục chính biên* (Quốc Sử Quán, 1848); *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* (Quốc Sử Quán, 1848); *Việt sử cương giám khảo lược* (Nguyễn Thông, 1876); *Đại Nam nhất thống chí* (Cao Xuân Dục, 1910); *Quốc triều chánh biên toát yếu* (Cao Xuân Dục, 1925); *Ô Châu cận lục* (Dương Văn An, 1555).
- (50) Ba bộ cổ sử Việt Nam được Quách Vĩnh Phương dẫn dụng: *Đại Việt sử ký toàn thư* (Ngô Sĩ Liên, quyển 2); *Việt sử thông giám cương mục* (Phan Thanh Giản, quyển 3); *Việt sử lược* (Khuyết danh).
- (51) Sử liệu Trung Quốc được Quách Vĩnh Phương dẫn dụng:
- *Việt Nam dư địa đồ thuyết*. Quang Tự cửu niên, Thịnh Khánh Phát soạn. Quang Tự thập cửu niên, Lữ Điều Dương trùng dịch, quyển 1, Quảng Ngãi tỉnh.
 - *Việt Nam địa đồ*. Quang Tự nguyên niên, không rõ xuất xứ.
 - *Việt Nam tập lược*. Quang Tự tam niên (1877), Từ Diên Húc soạn, Hùng Thúc vẽ, quyển thủ dẫn “Việt Nam toàn đồ”.
 - “An Nam đồ” trong sách *Võ bị chí*.
 - *Việt Nam quốc dư địa đồ*. Lưu trữ tại Cố cung Bác vật viện, không rõ xuất xứ.
 - *An Nam đồ thuyết*. Minh. Trịnh Nhượng Tăng, quyển thủ “An Nam quốc đồ”.
 - *Minh An Nam đồ*. Niên hiệu Vạn Lịch (1573-1619), Quảng Đông, Quỳnh Nhai Phó Tổng binh Đặng Chung hội chế.
 - *Địa đồ tổng yếu*. Minh, Ngô Học Nghiễm-Tứ Di, bức 11 “An Nam đồ”.

- *Hoàng Minh Chức Phương lương kinh thập tam tỉnh địa đồ*. Trần Tổ Thọ (Thụ), quyển hạ “An Nam địa đồ”.

- *Dư địa yếu lãm*. Minh. Quyển thủ “An Nam đồ”.

Các sách: *Đông Tây Dương khảo* (Trương Nhiếp, Minh); *Chỉ Nam chánh pháp* (Thanh); *Thuận phong tương tống* (Thanh); *Tống sử*, quyển 489; *Hải ngữ* (1539) Hoàng Trung; *Hải ngoại kỷ sự* (1695) Thích Đại Sán; *Chư phiên chí, Chiêm Thành thuộc quốc khảo*, Sầm Trọng Miễn (1933).

52. 摘文: “明茅元儀” “武備志” 的 “安南圖” 中在越南中部順化府附近海岸, 分別繪有二海口, 注明: “小長沙海口” 和 “大長沙海口”. “越南國輿地圖” 故宮博物院藏中, 在承天府順化海口 也畫有二个小島, 分別注明為 “小長沙” 和 “大長沙”

(Trích văn: Minh, Mao Nguyên Nghi *Võ bị chí* đích An Nam đồ trung tại Việt Nam Trung Bộ Thuận Hóa phủ phụ cận hải ngạn phân biệt hội hữu nhị hải khẩu, chú minh: “Tiểu Trường Sa hải khẩu” hòa “Đại Trường Sa hải khẩu”. *Việt Nam quốc dư địa đồ* Cổ cung Bác vật viện tàng trung, tại Thừa Thiên phủ Thuận Hóa hải khẩu đã hoạch hữu nhị cá tiểu đảo phân biệt chú minh vì “Tiểu Trường Sa” hòa “Đại Trường Sa”). Nguồn: [*Địa danh hối biên*-1987], trang 410.

- (53) Về việc tiêu danh “Tiểu Trường Sa” và “Đại Trường Sa” trên địa đồ An Nam (Việt Nam) do người Trung Quốc đời Minh, người Trung Quốc đời Thanh mà Quách Vĩnh Phương trích dẫn, ngoài hai địa đồ nêu ở chú thích 52, còn có:

1. *Việt Nam dư địa đồ thuyết*, Thịnh Khánh Phát, Lữ Điều Dương (1893), quyển 1, Quảng Trị tỉnh. Trích văn: 越海門在登昌縣其江乃果江園橋二源所注. 自越海門至思容乃大長沙北海門為小長沙 [*Việt Hải môn, tự Đăng Xương huyện, kỳ giang nãi Quả Giang, Viên Kiều nhị nguyên sở chú. Tự Việt Hải môn chí Tư Dung nãi Đại Trường Sa, bắc hải môn vi Tiểu Trường Sa* - Cửa Việt Hải, ở huyện Đăng Xương, (cửa) sông này do 2 nguồn sông Quả, sông Viên Kiều (đúng phải là *Kiệu*) đổ vào. Từ cửa Việt Hải đến (cửa) Tư Dung là Đại Trường Sa, cửa biển ở phía bắc là Tiểu Trường Sa].

2. *Chư phiên chí Chiêm Thành thuộc quốc khảo* (Khảo về thuộc quốc Chiêm Thành trong sách *Chư phiên chí*) của Sầm Trọng Miễn (xuất bản 1933) có đoạn: “大長沙即今富春 江口思容海口即今順化小灣南口...” [*Đại Trường Sa tức kim Phú Xuân giang khẩu, Tư Dung hải khẩu tức kim Thuận Hóa tiểu loan nam khẩu* - Đại Trường Sa tức nay là cửa sông Phú Xuân, cửa biển Tư Dung tức nay là cửa nam vũng nhỏ Thuận Hóa].

3. *Minh An Nam đồ* của Đặng Chung vẽ trong niên hiệu Vạn Lịch (1573-1619).

4. *An Nam đồ thuyết* của Trịnh Nhượng Tăng (Minh).

5. *Địa đồ tổng yếu* của Ngô Học Nghiễm (Minh).

6. *Hoàng Minh Chức Phương lương kinh thập tam tỉnh địa đồ* của Trần Tổ Thọ (Minh).

7. *Dư địa yếu lãm* (Minh).

Như vậy, theo Quách Vĩnh Phương, có 6 địa đồ do người đời Minh vẽ và 2 điều mô tả do người đời Thanh, đời Dân quốc về việc tiêu danh “Tiểu Trường Sa” và “Đại Trường Sa”. Theo sự quan sát của chúng tôi, các địa đồ đều là sao chép lại từ một bản sớm nhất, và cùng các mô tả về sau như Thịnh Khánh Phát (1883), Từ Diên Húc (1877), Sầm Trọng Miễn (1933) đều là sự dựa vào ghi chép từ sách *Ô Châu cận lục* (1555) của Dương Văn An (Đại Việt, Mạc). Chúng tôi sẽ có một khảo luận riêng về vấn đề này. Trước mắt, có thể thấy đây là một sai lầm trong việc nhận định vị trí, xuất phát từ việc sử dụng danh xưng không

theo quá trình diễn cách. Gần đây, một người Việt Nam không am tường về lịch sử địa dư khi nhìn thấy bức *Việt Nam dư địa đồ* ở thư viện Vương quốc Anh do Từ Diên Húc vẽ (thật ra đây chỉ là bức sao lại như đã nêu) đã vội đưa ra những suy luận thiếu căn cứ [Nguyễn Phúc Giác Hải, báo *Tiền Phong*, ngày 10/1/2008]. Các loại địa danh biểu thị thuộc tính và hình trạng của đối tượng (như bãi cát phía đông, bãi cát phía tây, bãi cát dài lớn, bãi cát dài nhỏ...) rất dễ bị trùng lặp và cũng hay biến đổi theo thời gian, phần lớn các nghiên cứu - kể cả Trung Quốc và Việt Nam - chưa mấy lưu ý đến vấn đề này.

- (54) 海國聞見錄, 陳倫炯, 臺灣文獻叢刊, 臺灣銀行經濟研究室編印, 1958. 看“沿海全圖”頁六七 - *Hải quốc văn kiến lục*, Trần Luân Quýnh, Đài Loan Văn Hiến tùng san-Đài Loan Ngân hàng kinh tế nghiên cứu thất biên ấn, 1958. Xem “Diên hải toàn đồ”, trang 67.
- (55) Hàn Chấn Hoa (1921-1993), Thạc sĩ sử học Đại học Trung Sơn (1948), giáo sư Khoa Nghiên cứu Nam Dương Đại học Hạ Môn. Các công trình nghiên cứu về Nam Hải chư đảo đã xuất bản gồm:
 - 南海諸島史地考證論集 - *Nam Hải chư đảo sử địa khảo chứng luận tập*. Trung Hoa thư cục, 1981.
 - 我國南海諸島史料匯編 - *Ngã quốc Nam Hải chư đảo sử liệu hối biên* (Chủ biên). Đồng Phương xuất bản xã, Bắc Kinh, 1988.
 - 中國與東南亞關係史研究 - *Trung Quốc dĩ Đông Nam Á quan hệ sử nghiên cứu*. Quảng Tây Nhân Dân xuất bản xã, Nam Ninh, 1992.
 - 南海諸島史地研究 - *Nam Hải chư đảo sử địa nghiên cứu*. Xã hội khoa học văn hiến xuất bản xã, Bắc Kinh, 1996.
 - 南海諸島史地論證 - *Nam Hải chư đảo sử địa luận chứng*. Hương Cảng Đại học Á Châu nghiên cứu trung tâm, Hương Cảng, 2003.
- (56) 中國人民為捍衛南沙群島主權進行的鬥爭 “Trung Quốc nhân dân vi hãn vệ Nam Sa quần đảo chủ quyền tiến hành đích đấu tranh”. Tô Độc Sử, Ngô Thanh Ngọc, Thân Trường Kính. *Trung Quốc quân sự khoa học*, kỳ 4, 1988. Nguồn: *Nam Sa quần đảo lịch sử địa lý nghiên cứu chuyên tập*, Trung Sơn Đại học xuất bản xã, Quảng Châu, 1991, trang 87-97.
- (57) Đa số các tên sách được trích dẫn trùng với tên sách của các tác giả đã nêu. Xin xem chung ở bảng thư mục tên sách (Phụ lục 6, phần I).
- (58) 略談捍衛我國海疆問題 “Lược đàm hãn vệ ngã quốc hải cương vấn đề”, Tô Độc Sử. *Trung Quốc biên cương sử địa nghiên cứu*, kỳ 1 năm 1992, trang 75-81.
- (59) “黃沙和長沙特考” *Hoàng Sa hòa Trường Sa đặc khảo*, Đới Khả Lai dịch, *Thương Vụ ấn thư quán xuất bản*, 1978.
- (60) Bút hiệu của cố Giáo sư Nguyễn Khắc Kham.
- (61) 南海諸島的主權與西沙群島之戰 “Nam Hải chư đảo đích chủ quyền dĩ Tây Sa quần đảo chi chiến”, Tề Tân. *Thất thập niên đại nguyệt san*, Hương Cảng, 1974, kỳ 3.
- (62) Thiệu Tuấn Chính, tác giả sách *Trung-Pháp-Việt Nam quan hệ thủy mật*, Quốc Lập Thanh Hoa Đại học xuất bản, 1935.
- (63) Mười sách trong sử tịch Trung Quốc được học giả Lãng Hồ sử dụng:
 - *Võ bị bí thư* - Thi Vĩnh Đồ (1800).
 - *Hải vận yếu lược* - Thi Vĩnh Đồ (1840).

- *Đông Tây dương khảo* - Trịnh Nhiếp.
- *Trù hải đồ biên* - Trịnh Nhược Tăng và Mao Khôn (1562).
- *Doanh nhai thắng lãm* - Mã Hoan.
- *Chỉ nam chánh pháp* - Lương chủng hải đạo châm kinh.
- *Thuận phong tương tống* - Lương chủng hải đạo châm kinh.
- *Phật quốc ký* - Pháp Hiển.
- *Hải ngoại kỷ sự* - Thích Đại Sán.
- *Hải quốc văn kiến lục* - Trần Luân Quýnh.

Hai trứ tác thời Dân quốc:

- *Đường đại Quảng Châu Quang Hiếu tự dữ Trung-Ấn giao thông chi quan hệ*, La Hương Lâm. Thương Vụ ấn thư quán, 1960.
- *Trung-Ấn Phật giáo giao thông sử*, Tiêu Sơn Thích Đông Sơ. Trung Hoa đại điển biên ấn hội ấn hành, 1973.

Ba trứ tác của học giả Nhật Bản hiện đại:

- *An Nam thông sử*, Nham Thôn Thành Duẩn. Phú Sơn Phòng xuất bản, Chiêu Hòa 16 (1941).
- “Hải lộ Đông Dương mậu dịch triển khai”, Sâm Khắc Kỷ. *Đông Dương học thuật nghiên cứu*, quyển 8, số 30. Đông Dương triết học nghiên cứu sở, Đông Kinh, 1969.
- “Trung-Việt Paraseru lãnh thổ phân tranh”, Hoàng Hữu Nhân. *Đài Loan Thanh Niên*, 163, Đài Loan Độc Lập liên minh phát hành, 5/5/1974.

Hai trứ tác của học giả Tây phương:

- *Ma Huan reexamined*, J.V.G Mills & J.J.L Duyvendak (1933).
- *Mémoire sur la Cochinchine*, J. Chaigneau.

Bảy nguồn tư liệu đồ thư Việt Nam: *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*; *Hồng Đức bản đồ*; *Phủ biên tạp lục*; *Đại Nam nhất thống chí*; *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*; *Quốc triều chánh biên toát yếu*; *Đại Nam nhất thống toàn đồ*.

- (64) Có thể nhận thấy 3 biểu hiện đặc trưng của các bài viết mang tính chất tranh luận, một là: phủ định nguồn sử liệu hoặc cách lập luận của đối phương; hai là: hiểu vấn đề khác nhau trên cùng một nguồn tài liệu; ba là: không tự hiểu đối phương (sử dụng trích dẫn, lập luận, nhận định của người khác dẫn đến sai lầm triển miên). Cả 3 trường hợp này đều dẫn đến sự hỗn loạn và gây phức tạp cho các nghiên cứu về sau. Học giới Trung Quốc và cả Việt Nam đều có những biểu hiện này, tuy nhiên học giới Trung Quốc thuận lợi hơn trong việc tham khảo cổ thư Việt Nam. Xem thêm: “Bản về quyển sách “*Hoàng Sa - Trường Sa, lãnh thổ Việt Nam nhìn từ công pháp quốc tế* của Nguyễn Q. Thắng” của Phạm Hoàng Quân, đăng trên tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 4 (69).2008.
- (65) 中國地域の真價値 “Trung Quốc địa vực đích chân giá trị”, Trâu Báo Quân. *Tự Do Thái Bình Dương* (nguyệt san), kỳ 3, 1957. Đề Ngạn (Chợ Lớn) Việt Nam. Hợp đính bản, trang 127.
- (66) 中越西沙群島爭執泰國保持不干預立場 “Trung-Việt Tây Sa quần đảo tranh chấp, Thái quốc bảo trì bất can dự lập trường”. *Trung Hoa chu báo*, Mạn Cốc, 27/1/1974. Nguồn: [Sử liệu hối biên-1988], trang 553.

TÓM TẮT

Dựa trên các cứ liệu thành văn có thể khảo sát được, tác giả phân chia quá trình nghiên cứu Nam Hải chư đảo của học giới Trung Quốc từ năm 1909 đến năm 2005 thành hai giai đoạn: giai đoạn đầu từ 1909 đến 1947 là giai đoạn sơ thám (tạp chí *Nghiên cứu và*

Phát triển số 4 (69). 2008), giai đoạn sau từ 1948 đến 2005 là giai đoạn bột phát và định hình. Để tìm hiểu giai đoạn sau, tác giả lần lượt điểm qua các bài viết trên các báo hoặc tạp chí, các công trình nghiên cứu đã in thành sách, các địa đồ và địa đồ tập, các văn kiện của chính phủ Trung Quốc.

So với giai đoạn sơ thám, các công trình nghiên cứu về Nam Hải chú trọng trong giai đoạn bột phát và định hình được triển khai trên diện rộng với sự bùng nổ về số lượng, dày dặn và chuyên sâu hơn, đặc biệt tập trung khai thác sử liệu để gắn kết đảo danh và lập thành hệ thống lý luận chứng minh “chủ quyền trong lịch sử”. Điều này có thể lý giải rằng, đây là động thái của Trung Quốc nhằm đối phó với Việt Nam, quốc gia hiện đang sở hữu hai trong bốn quần đảo ở Nam Hải với những chứng cứ liên tục, chặt chẽ và ổn định.

Điểm qua một số công trình nghiên cứu về Nam Hải chú trọng trên các báo san, tác giả nhận xét quá trình chạy đua theo số lượng của học giới Trung Quốc đã bộc lộ ba mâu thuẫn cơ bản: Mâu thuẫn giữa các dữ kiện trong cùng một bài viết hoặc công trình nghiên cứu; mâu thuẫn trong cách lập luận trên dữ liệu giữa các tác giả cùng thời kỳ; và mâu thuẫn trong cách vận dụng sử liệu và lý giải dữ kiện giữa giai đoạn sơ thám và giai đoạn bột phát, định hình.

ABSTRACT

A STUDY ON HISTORY OF GEOGRAPHICAL NAMES OF ISLANDS IN SOUTH CHINA SEA (Continued)

Basing on available textual documents, the author divides the process of research on the islands in the South China Sea from 1909 to 2005 into two stages: The first stage just of preliminary survey from 1909 to 1947 (see *Research and Development Magazine* 4(69). 2008), and the second from 1948 to 2005 with booming activities and established planning. For his research on the second stage the author reviews articles on newspapers and magazines, published research works, maps and books of maps, and Chinese government documents.

Compared to the first stage of preliminary survey, the next course of research, the stage of flourishing activities and established planning, was carried out on a wide range and big scale as regards quantity, thoroughness and professionalism, especially the efforts to gather historical data so as to organize the names of relevant islands into a logical line and as a result create a reasoning method to prove “a historical ownership of China”. That is China’s move to deal with Vietnam, the nation that is traditionally in possession of two of the four archipelagoes in the South China Sea by means of continuous, solid and stable evidences.

Studying several Chinese research works concerning the islands in the South China Sea printed on newspapers and magazines, the author realizes that the Chinese research circle’s race to amass as much as possible convincing data have been caught in three faults of contradictions: Contradictions between data given in the same article or research work; Contradictions in the reasoning based on different data from different contemporary articles or research works ; And contradictions in the way to use and interpret historical data from the first and second stage of research mentioned above.